

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

19/11
ĐT1.110

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (48 -)/DA22TTA

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

19 / 01 / 2024Phòng thi: ĐT1.110

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	110122001	Nguyễn Huỳnh Chí	27/10/2004	Nam	8,3	3.3	5,8	001	<u>Ch</u>		
2	110122002	Lê Khánh Duy	04/11/2004	Nam	8,0	3.0	5,5	002	<u>Duy</u>		
3	110122003	Phan Nguyễn Hoàng Hân	14/10/2004	Nam	8,5	5.3	6,9	003	<u>Hân</u>		
4	110122004	Phạm Thành Tư Hân	26/02/2004	Nam	7,3	4.8	6,1	004	<u>Tư</u>		
5	110122005	Nguyễn Phước Hiệp	13/01/2004	Nam	8,5	4.5	6,5	005	<u>Hiệp</u>		
6	110122006	Nguyễn Nhật Hóa	27/11/2004	Nam	8,5	4.8	6,7	006	<u>Hóa</u>		
7	110122008	Phạm Hoàng Kha	11/07/2004	Nam	9,3	6,9	7,8	007	<u>Kha</u>		
8	110122009	Dương Bảo Khanh	01/09/2004	Nam	8,3	5.8	7,1	008	<u>Khanh</u>		
9	110122011	Đào Công Hoàng Lam	17/03/2004	Nam	8,5	5.5	7,0	009	<u>Lam</u>		
10	110122014	Nguyễn Tấn Lợi	17/09/2004	Nam	8,5	5,3	6,9	010	<u>Lợi</u>		
11	110122016	Phạm Hữu Luân	18/06/2004	Nam	8,5	5.5	7,0	011	<u>Luân</u>		
12	110122017	Mai Trần Thanh Nhật	11/05/2004	Nam	8,8	7.0	7,9	012	<u>Thanh</u>		
13	110122019	Nguyễn Hoàng Phúc	24/03/2004	Nam	9,8	5.0	7,4	013	<u>Phúc</u>		
14	110122020	Lý Thanh Tâm	26/03/2004	Nam	8,5	4,8	6,4	014	<u>Tâm</u>		
15	110122024	Sơn Minh Trí	10/08/2004	Nam							
16	110122025	Nguyễn Nhật Trường	25/03/2003	Nam	9,0	5.0	7,0	016	<u>Trường</u>		
17	110122026	Nguyễn Trường Vũ	26/05/2004	Nam	8,8	6.3	7,6	017	<u>Vũ</u>		
18	110122027	Huỳnh Phạm Nhật An	30/09/2004	Nam	7,8	4.5	6,2	018	<u>An</u>		
19	110122030	Nguyễn Thiên Ân	21/01/2004	Nam	8,5	4.8	6,7	019	<u>Ân</u>		
20	110122032	Bùi Quốc Anh	10/06/2004	Nam	8,0	2.8	5,4	020	<u>Anh</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20Tổng số sv, hs dự đánh giá: 19Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 19Tổng số tờ: 19Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %Trà Vinh, Ngày 15 tháng 02 năm 2024Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thế NhânCán bộ ghi điểm: Nguyễn Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (48 -)/DA22TTA

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: T.M

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

15 / 01 / 2024

Phòng thi: D71.111

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	110122033	Nguyễn Hữu Anh	25/12/2004	Nam	8,8	4.8	6,8	009			
2	110122034	Châu Gia Bảo	30/05/2004	Nam	8,0	4.5	6,3	005			
3	110122035	Huỳnh Quốc Bảo	18/06/2004	Nam	7,8	6.8	7,3	006			
4	110122037	Trần Gia Bảo	23/03/2004	Nam	9,0	6.5	7,8	007			
5	110122038	Trần Văn Bi	09/12/2003	Nam	—	—	—	—	—		<u>Cam Hu</u>
6	110122041	Nguyễn Trí Cường	25/07/2004	Nam	8,5	4.3	6,4	009			
7	110122045	Trần Quốc Đạm	27/09/2004	Nam	8,5	6.8	7,7	010			
8	110122046	Hứa Khánh Đăng	29/11/2004	Nam	8,0	5.3	6,7	011			
9	110122047	Lê Khánh Đăng	24/05/2004	Nam	8,3	4.3	6,3	012			
10	110122048	Mai Tuấn Đạt	24/01/2004	Nam	8,3	3.8	6,1	013			
11	110122050	Trần Minh Điền	02/02/2004	Nam	10,0	6.3	8,2	014			
12	110122051	Lâm Thanh Đình	28/05/2004	Nam	8,3	4.5	6,4	015			
13	110122052	Lâm Trương Định	01/04/2004	Nam	7,8	4.8	6,3	016			
14	110122182	Nguyễn Duy Tín	03/04/2004	Nam	9,3	6.5	7,9	017			
15	110122214	Nguyễn Phúc An	22/12/2003	Nam	8,8	5.5	7,2	018			
16	110122217	Nguyễn Trọng Đạt	08/12/2003	Nam	8,0	3.5	5,8	019			
17	110122220	Trần Đình Hiền	20/06/2004	Nam	9,8	6.8	8,3	020			
18	110122221	Nguyễn Thanh Hiếu	02/03/2001	Nam	9,0	7.0	8,0	021			
19	110122252	Lê Đặng Phong	07/10/2002	Nam	2,0	5.0	3.5	022			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 19

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 18

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 18

Tổng số tờ: 18

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Văn Khoa

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 80 %; Điểm KT: 80 %

Trà Vinh, Ngày 15 tháng 02 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Thầy Cao Đình Phụng

Cán bộ kiểm tra: Thầy

Nguyễn Thị Linh

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (48 -)/DA22TTB

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

19/01/2024Phòng thi: D71.112

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	110122107	Hồ Hoàng Long	28/11/2003	Nam	8,8	4,5	6,7	001	Long		
2	110122108	Nguyễn Hữu Luân	19/09/2004	Nam	8,5	6,5	7,5	002	<u>Luân</u>		
3	110122109	Nguyễn Minh Luân	01/01/2003	Nam	6,5	4,0	5,3	003	<u>Minh</u>		
4	110122113	Phạm Minh Mẫn	23/11/2003	Nam	6,5	3,5	5,0	004	<u>Minh</u>		
5	110122118	Thái Quý Nam	28/01/2004	Nam	7,5	3,5	5,5	005	<u>Quý</u>		
6	110122119	Võ Nhật Duy	11/11/2004	Nam	7,8	5,3	6,6	006	<u>Đuy</u>		
7	110122122	Phạm Thị Kim Ngân	15/05/2003	Nữ	8,3	3,8	6,1	007	<u>Kim</u>		
8	110122123	Lưu Bích Ngọc	29/08/2004	Nữ	8,3	5,3	6,8	008	<u>Bích</u>		
9	110122125	Nguyễn Hoàng Đạt	25/02/2004	Nam	6,5	5,0	5,8	009	<u>Đạt</u>		
10	110122126	Trần Khôi Nguyên	27/01/2004	Nam	8,3	5,5	6,9	010	<u>Khôi</u>		
11	110122127	Trương Nguyễn Tố Nguyên	13/01/2004	Nữ	8,5	7,3	7,9	011	<u>Tố</u>		
12	110122130	Phạm Minh Nhật	28/06/2004	Nam	9,8	7,0	8,4	012	<u>Minh</u>		
13	110122131	Nguyễn Thị Xuân Nhi	26/09/2004	Nữ	8,3	4,8	6,6	013	<u>Xuân</u>		
14	110122133	Trần Thị Yến Nhi	26/02/2004	Nữ	8,3	5,0	6,7	014	<u>Yến</u>		
15	110122135	Nguyễn Duy Phát	03/11/2004	Nam	—	—	—	—	—		
16	110122138	Thạch Sâm Sô Phiệp	18/03/2004	Nam	8,0	3,8	5,9	016	<u>Sâm</u>		
17	110122140	Nguyễn Văn Phúc	08/11/2004	Nam	7,5	4,5	6,0	017	<u>Văn</u>		
18	110122141	Thạch Hoàng Phúc	16/01/2004	Nam	7,8	3,3	5,6	018	<u>Hoàng</u>		
19	110122142	Trần Trung Phúc	30/07/2004	Nam	9,5	6,3	7,9	019	<u>Trung</u>		
20	110122143	Nguyễn Thị Thanh Phụng	28/08/2004	Nữ	8,5	5,0	6,8	020	<u>Thanh</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20Tổng số sv, hs dự đánh giá: 19Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 19

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1:

Nguyễn Kim Hân

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %Trà Vinh, Ngày 15 tháng 02 năm 2024

Cán bộ ghi điểm:

Luân Cao Duy phụng loan

Cán bộ kiểm tra:

Nguyễn Thị Lanh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (48 -)/DA22TTB

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

19 / 01 / 2024

Phòng thi: D71113

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	110122144	Kiều Tấn Phước	18/08/2004	Nam	8,3	4,5	6,4	002			
2	110122145	Đinh Hoài Phương	24/10/2004	Nam	7,5	5,0	6,3	003			
3	110122146	Đinh Minh Phương	27/12/2002	Nam	8,5	4,5	6,5	004			
4	110122148	Nguyễn Quân	20/01/2004	Nam	7,0	4,0	5,5	005			
5	110122150	Cô Nhân Quý	04/12/2001	Nam	8,3	5,8	7,1	006			
6	110122151	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	24/02/2004	Nữ	/	/	/	/	/		Cấm Kì
7	110122154	Sơn Ngọc Tân	19/08/2004	Nam	8,3	3,8	6,1	008			
8	110122155	Nguyễn Sơn Tây	19/10/2004	Nam	8,0	2,8	5,4	009			
9	110122157	Huỳnh Quốc Thái	28/01/2004	Nam	7,8	3,3	5,6	010			
10	110122158	Lê Hữu Thắng	20/04/2004	Nam	7,5	3,5	5,5	011			
11	110122159	Hà Dương Thành	06/08/2004	Nam	/	/	/	/	/		Cấm Kì
12	110122223	Nguyễn Đình Nhật Huy	24/11/2004	Nam	8,5	4,3	6,4	014			
13	110122225	Huỳnh Khải	26/02/2004	Nam	8,5	6,0	7,3	015			
14	110122226	Huỳnh Minh Khan	10/09/2004	Nam	8,5	5,0	6,8	016			
15	110122227	Phan Đăng Khoa	30/07/2003	Nam	8,5	4,8	6,7	017			
16	110122231	Hồ Lý Minh Lữ	14/10/2004	Nam	8,5	5,0	6,8	018			
17	110122232	Thạch Minh	25/03/2003	Nam	/	/	/	/	/		Cấm Kì

Tổng số sv, hs trên danh sách: 17...

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 14...

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 14...

Tổng số tờ: 14...

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thanh Bình

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 15 tháng 02 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Trần Cao Dương Phương Lan

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (48 -)/DA221TC

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
...19.../...01.../...2024

Phòng thi: D7.1.13

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	110122167	Kiều Gia Thịnh	13/01/2004	Nam	9,3	5,0	7,2	13	<u>Trần</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01..

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01..

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01..

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thanh Thanh

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 15 tháng 02 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Lưu Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (48 -)/DA22TTD

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

19 / 01 / 2024

Phòng thi: DT1.114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chi
1	110122056	Hồ Nguyễn Quốc Dũng	19/08/2004	Nam	8,5	4,3	6,4	014	<u>B</u>		
2	110122059	Huỳnh Khánh Duy	29/12/2004	Nam	8,5	4,0	6,3	015	<u>D</u>		
3	110122060	Lê Hà Duy	19/08/2004	Nam	8,5	4,3	6,4	016	<u>H</u>		
4	110122069	Nguyễn Thị Ngọc Hân	02/11/2004	Nữ	8,5	6,0	7,3	017	<u>H</u>		
5	110122074	Đàm Thúy Hiền	14/12/2004	Nữ	8,5	6,3	7,4	018	<u>H</u>		
6	110122093	Hồ Anh Khoa	28/11/2004	Nam	8,5	6,3	7,4	019	<u>Khoa</u>		
7	110122095	Nguyễn Ngọc Anh Khoa	29/03/2004	Nam	7,5	5,5	6,5	020	<u>Khoa</u>		
8	110122098	Đặng Gia Kiệt	04/03/2004	Nam	9,3	5,0	7,2	021	<u>Kie</u>		
9	110122101	Phùng Quốc Kiệt	02/09/2004	Nam	9,0	7,8	8,4	022	<u>Kie</u>		
10	110122248	Nguyễn Thanh Triệu	21/09/2004	Nam	8,5	5,5	7,0	023	<u>Triu</u>		
11	110122249	Lâm Tinh Tú	23/11/2004	Nữ	10,0	6,3	8,2	024	<u>Tu</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 11

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 11

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 11

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thị Kim Ngọc

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 15 tháng 02 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Le Cao Dương Phương Lan

Cán bộ kiểm tra: haly

Nguyễn Thị Lanh

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (48 -)/DA22MNB

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

19 / 01 / 2024Phòng thi: D71.114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	114222040	Nguyễn Minh Thư	14/11/2004	Nữ	8,5	6,8	7,7	007	<u>Thu</u>		
2	114222043	Đặng Ngọc Thùy	12/06/2004	Nữ	9,0	5,5	7,3	008	<u>Th</u>		
3	114222047	Kiên Thị Quế	30/04/2004	Nữ	9,5	4,3	6,9	009	<u>Quế</u>		
4	114222050	Thạch Mai Cẩm Tú	13/09/2004	Nữ	10,0	5,5	7,8	010	<u>Camb</u>		
5	114222078	Nguyễn Thị Ngọc Nguyên	11/09/2004	Nữ	9,8	4,8	7,3	011	<u>Ng</u>		
6	114222079	Võ Thị Thảo Nguyên	05/12/2004	Nữ	9,5	4,8	7,2	012	<u>Th</u>		
7	114222081	Huỳnh Thị Quỳnh Như	22/02/2001	Nữ	10,0	7,3	8,7	013	<u>Như</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 07Tổng số sv, hs dự đánh giá: 07Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 07

Tổng số tờ:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %Trà Vinh, Ngày 15 tháng 02 năm 2024Cán bộ coi thi 1: Trần Thị Kim NgọcCán bộ ghi điểm: Chu Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: ChuNguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (48 -)/DA22KDB

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

19 / 01 / 2024

Phòng thi: D71, 11.4

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	112122076	Phạm Tấn	Lộc	18/01/2004	Nam	9,0	6,8	7,9	001	<u>phuc</u>		
2	112122081	Dương Gia	Luật	16/11/2004	Nam	8,5	6,0	7,3	002	<u>luat</u>		
3	112122082	Quang Hồng	Lượng	21/06/2004	Nam	8,0	3,3	5,7	003	<u>quang</u>		
4	112122086	Trần Công	Minh	18/04/2004	Nam	8,5	5,5	7,0	004	<u>tranchinh</u>		
5	112122092	Đoàn Thị Huỳnh	Như	28/12/2002	Nữ	8,8	6,0	7,4	005	<u>huynh</u>		
6	112122098	Trần Tiến	Phát	06/02/2004	Nam	8,8	6,3	7,6	006	<u>phat</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 06...

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 06...

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 06...

Tổng số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1: Trần Thị Kim Ngọc

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 15 tháng 02 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Lưu Cao Dương Phương Loan

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra: Chị

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (48 -)/DA19PHCN

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

19 / 01 / 2024

Phòng thi: ĐTK1 / 111

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	117319066	Tiêu Anh Huy	30/01/2001	Nam	8.0	2.8	5.4	001	<u>Thuy</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ: 01

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Luis Phoi

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 15 tháng 02 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Luul Cao Dương phucylan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Luul

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (48 -)/DA21TYA

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TT

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
19 / 01 / 2024

Phòng thi: ĐT1/111

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	111321014	Diệp Thị Hồng	Đào	24/09/2003	Nữ	5,0	—	—	—		
2	111321021	Nguyễn Minh	Đức	06/02/2003	Nam	6,0	—	—	—		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 02

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 02

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 02

Tổng số tờ: 2 tờ

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Minh Đức

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 15 tháng 02 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Đào Cao Diễm Hương

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Đào

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (48 -)/DA22NNAC

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
19 / 01 / 2024

Phòng thi: D71.113

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	110422139	Võ Minh Trí	02/10/2004	Nam	5,5	4,8	5,2	020	<u>Tr</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ: 01

Cán bộ coi thi 1: Đa Nguyễn Thanh Thanh

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 15 tháng 02 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Đa Cao Dương phước lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Đa

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (48 -)/DA22KT

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: Đặc. nghiêm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

19 / 01 / 2024

Phòng thi: 07.1.11.3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chi
1	111922047	Trương Gia Hân	28/01/2004	Nữ	7,8	4,3	6,1	001	<u>gpk</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ: 1

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thanh Thanh

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 15 tháng 01 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Châu Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Châu

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

19/1

ĐH 1113

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (45 -)/DA22TYA

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

19 / 01 / 2024

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	111322028	Lê Nguyễn Thanh Hùng	18/12/2004	Nam	<u>7,5</u>	<u>3,5</u>	<u>5,5</u>	<u>001</u>	<u>Ang</u>		
2	111322031	Trần Nguyễn Hưng	07/06/2004	Nam	<u>7,5</u>	<u>3,5</u>	<u>5,5</u>	<u>001</u>	<u>Ang</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 02

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ: 1

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 15 tháng 02 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thanh Thanh

Cán bộ ghi điểm: Đào Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Nguyễn Thị Lành